

Số: 555 /BC-UBND

Tây Ninh, ngày 28 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế tỉnh Tây Ninh
năm 2021 và năm 2022**

Thực hiện Công văn số 7743/BKHDT-QLKKTW ngày 28/10/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo kết quả thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo một số nội dung như sau:

I. Tình hình tổ chức thực hiện Nghị quyết số 31/2021/QH15 và Nghị quyết số 54/QN-CP giai đoạn 2021-2022

Tỉnh đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 31/2021/QH15 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025. Theo kế hoạch, tỉnh triển khai thực hiện 05 giải pháp chính để thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế địa phương, như sau:

- Hoàn thành mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công, ngân sách nhà nước, hệ thống các tổ chức tín dụng và đơn vị sự nghiệp công lập.
- Phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực.
- Phát triển lực lượng doanh nghiệp; thúc đẩy kết nối giữa doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.
- Phát triển kinh tế đô thị, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn và phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn.
- Cơ cấu lại các ngành theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế.

Ngoài ra, tỉnh đã đưa ra 14 chỉ tiêu chủ yếu thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế địa phương theo phụ lục đính kèm.

II. Kết quả cơ cấu lại kinh tế giai đoạn 2021-2022

1. Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2022

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Năm 2021, trước tác động tiêu cực của đại dịch, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn duy trì tăng trưởng dương và Tây Ninh đứng thứ 5/8 tỉnh, thành trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Từ đầu năm 2022, dịch Covid-19 đã được kiểm soát, tỉnh thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch và các chính sách phục hồi kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy phục hồi nhanh và phát triển kinh tế - xã hội.

TT	Nội dung	Năm 2021	Sơ bộ năm 2022
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP - theo giá so sánh 2010) tăng so với năm trước	+0,21%	+8,84%
	- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	+2,08%	+2,38%
	- Khu vực công nghiệp và xây dựng	+1,29%	+12,45%
	- Khu vực dịch vụ	-2,9%	+10,65%
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	+1,50%	+2,54%
2	Điểm % đóng góp vào mức tăng trưởng chung		
	- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	+0,52	+0,60
	- Khu vực công nghiệp và xây dựng	+0,51	+4,87
	- Khu vực dịch vụ	-0,89	+3,23
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	+0,07	+0,13

1.2. Cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp – xây dựng, nông nghiệp và dịch vụ

TT	Nội dung	Năm 2021	Sơ bộ năm 2022
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP giá hiện hành)	90.218 tỷ đồng	101.980 tỷ đồng
2	Cơ cấu kinh tế		
	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	22,2%	20,6%
	Khu vực công nghiệp và xây dựng	42,9%	44,6%
	Khu vực dịch vụ	29,9%	30,0%
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	5,0%	4,7%

1.3. Biến động về tổng số lao động và cơ cấu lao động, chất lượng lao động theo ngành lĩnh vực kinh tế, thành phần kinh tế, theo vùng nông thôn và thành thị

STT	Nội dung	Năm 2021	Sơ bộ năm 2022
1	Dân số trung bình	1.181.907 người	1.188.758 người
2	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	655.635 người	688.150 người

STT	Nội dung	Năm 2021	Sơ bộ năm 2022
3	Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc	639.394 người	677.005 người
4	Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi	2,66%	
	- Khu vực thành thị	3,40%	1,32%
	- Khu vực nông thôn	2,32%	1,76%
5	Thu nhập bình quân một tháng của lao động làm công ăn lương từ 15 tuổi trở lên	5.734.000 đồng	
	- Khu vực thành thị	5.937.000 đồng	
	- Khu vực nông thôn	5.632.000 đồng	

1.4. Sự gắn kết của kinh tế địa phương với các địa phương khác trong vùng và kinh tế chung của cả nước.

Tỉnh Tây Ninh đã ký kết chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh, thành như: thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An, Bình Phước, Đại học quốc gia TP.HCM, Tổng công ty hàng không Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Tập đoàn hóa chất và Tập đoàn Dầu khí.

Về nông nghiệp: Thực hiện trao đổi thông tin về tình hình sản xuất, sinh vật gây hại cây trồng, thông tin sản phẩm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật theo định kỳ. Phối hợp trong công tác phòng chống dịch bệnh (*Rệp sáp bột hồng, Khảm lá cây khoai mì, Cúm gia cầm, Heo tai xanh, tả heo Châu Phi,...*). Phối hợp trong công tác kiểm dịch vận chuyển động vật và sản phẩm động vật, đặc biệt là đối với đàn trâu bò, heo và gia cầm.

Về du lịch: thực hiện quảng bá du lịch Tây Ninh trên tạp chí Heritage và màn hình TVC các chuyến bay của Vietnam Airlines; Chương trình hành trình OCOP và các sản phẩm địa phương đến du lịch cộng đồng; chương trình du lịch trải nghiệm đặc biệt “Caravan hành trình cung đường biên giới Tây Nam” giữa Thành phố Hồ Chí Minh – Bình Dương – Tây Ninh. Tổ chức famtrip với chủ đề “Khảo sát tiềm năng du lịch Tây Ninh”. Tham gia Hội chợ Du lịch Quốc tế - VITM Hanoi 2022; Ngày hội du lịch Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022; Caraval “Hành trình về miền Quốc bảo” Sâm Ngọc Linh Kon Tum K5; Không gian Di sản văn hóa Du lịch Việt Nam năm 2022 trong khuôn khổ năm du lịch Quốc gia tại Quảng Nam; Hội nghị Liên kết phát triển du lịch vùng Đông Nam Bộ tổ chức tại tỉnh Bình Phước; Hội chợ quốc tế du lịch Đà Nẵng – VITM Đà Nẵng 2022; Hội chợ quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022 (ITE TP.HCM 2022).

Về giao thông: Đã phối hợp với các địa phương trong vùng thực hiện các dự án

giao thông mang tính kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long An và Bình Phước.

1.5. Đánh giá về mức độ hội nhập của địa phương (kim ngạch XNK, thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt là kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp trong nước).

– Kim ngạch xuất nhập khẩu

Từ cuối năm 2019, đại dịch Covid-19 đã có tác động lớn đến nền kinh tế cả nước, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, mặc dù chịu ảnh hưởng của đại dịch nhưng kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh vẫn tăng so với cùng kỳ.

Kim ngạch xuất khẩu năm 2021 đạt 4,95 tỷ USD, tăng 11% so với C và năm 2022 ước đạt 6,4 tỷ USD, tăng 25,9% so với CK. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là hàng dệt may, nguyên phụ liệu dệt may, sắt, thép, xơ, sợi dệt các loại, mì ăn liền, hóa chất, sợi thuốc lá, phân bón, hàng nông sản, ... Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước năm 2021 đạt 352,68 triệu USD, 11 tháng năm 2022 đạt 235,67 triệu USD.

Kim ngạch nhập khẩu năm 2021 đạt 4,4 tỷ USD, tăng 34% so với CK và năm 2022 ước đạt 5,7 tỷ USD, tăng 26,3% so với CK. Hàng hóa nhập khẩu chủ yếu là củ mì tươi, mì lát, cao su thiên nhiên, hạt điều thô, trái cây, lá thuốc lá, xơ, sợi dệt các loại, gỗ nguyên liệu các loại, ... Kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp trong nước năm 2021 đạt 1.267,28 triệu USD, 11 tháng năm 2022 đạt 1.231,5 triệu USD.

– Thu hút đầu tư nước ngoài

Đến ngày 15/11/2022, có 350 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 8.937,7 triệu USD, trong đó có 245 dự án hoạt động với số vốn 6.867,5 triệu USD; 43 dự án đang xây dựng với số vốn 1.012,9 triệu USD; 50 dự án chưa triển khai với số vốn 1.026 triệu USD; 12 dự án dừng hoạt động với số vốn 31,3 triệu USD; vốn thực hiện lũy kế chiếm khoảng 50% tổng vốn đăng ký. Hầu hết các dự án có vốn đầu tư lớn là dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp dệt nhuộm, sản xuất sợi, tập trung chủ yếu là các nhà đầu tư Trung Quốc, Hồng Kông (164 dự án, chiếm 47% tổng số dự án).

Trong năm 2021, thu hút đạt 812,12 triệu USD, tăng 21,13% so với CK. Trong đó cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới 18 dự án với vốn đăng ký 264,76 USD; điều chỉnh tăng vốn cho 22 dự án với vốn tăng 651,15 triệu USD; điều chỉnh giảm vốn 06 dự án với số vốn giảm 103,79 triệu USD; có 03 lượt góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp với vốn đăng ký là 0,88 triệu USD; 05 dự án chấm dứt hoạt động với vốn đăng ký 52,84 triệu USD.

Ước năm 2022, thu hút đạt 594,4 triệu USD, giảm 26,8% so với CK. Trong đó cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới 14 dự án với vốn đăng ký 521,2 USD, gồm 10 dự án công nghiệp và 02 dự án dịch vụ tư vấn; điều chỉnh tăng vốn cho 11 dự án với vốn tăng 100,9 triệu USD; 05 dự án điều chỉnh giảm vốn 27,9 triệu USD; có 01 dự án mới do tách dự án theo quy định Luật Đầu tư 2020 với vốn đăng ký là 3 triệu USD; 02 lượt góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào công ty trong nước với vốn

dăng ký là 0,67 triệu USD; 09 dự án chấm dứt hoạt động, thu hồi (do nhà đầu tư quyết định chấm dứt) với vốn đăng ký 100,5 triệu USD.

2. Về thu hút, huy động nguồn lực, cơ cấu lại đầu tư công và cách thức xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư công

– Tổng vốn đầu tư xã hội

Tỉnh đã ban hành Đề án huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu huy động mọi nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước để phát triển kinh tế tỉnh. Theo Đề án, tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn giai đoạn 2021 – 2025: 205.845 tỷ đồng.

– Cơ cấu đầu tư theo thành phần kinh tế

- + Khu vực Nhà nước: 31.845 tỷ đồng.
- + Khu vực ngoài Nhà nước: 174.000 tỷ đồng.
- + Khu vực nước ngoài: 67.000 tỷ đồng.

– Các dự án lớn, quan trọng đã, đang và sẽ thực hiện

Trong thời gian qua, tỉnh đã có những bước đột phá và tạo sự chuyển biến tích cực về đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội với các mục tiêu cụ thể về hạ tầng: giao thông, cung cấp điện, thủy lợi, đô thị và hạ tầng các xã nông thôn mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, thương mại, thông tin, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch... Hầu hết tất cả các dự án trọng điểm, huyết mạch, mang tính kết nối lan tỏa của tỉnh đã và đang thực hiện phát huy hiệu quả.

Cụ thể một số dự án tiêu biểu đã và đang thực hiện như sau:

+ Các dự án hoàn thành: Nâng cấp, mở rộng đường 788; Đường 794 từ ngã ba Cà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 1); Nâng cấp, mở rộng đường Bình Dương (đường Điện Biên Phủ); Đường và cầu Bến Đình; Nâng cấp, cải tạo và ngầm hóa đường 30-4; Mở rộng đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ giao lộ Nguyễn Huệ đến cầu Năm Trại); Đường 781 đoạn từ ngã ba Bờ Hồ đến địa giới tỉnh Bình Dương (giai đoạn 2); Đường từ ngã ba ĐT.781 - Bờ hồ Dầu Tiếng đến ĐT.785 ngã tư Tân Hưng; Đường và cầu Bến Cây Ôi; cầu An Hòa; Dự án Phát triển các đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kong mở rộng tại Mộc Bài - Tỉnh Tây Ninh; Nâng cấp mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh; Bệnh viện Y học cổ truyền Tây Ninh và các dự án Xây dựng bệnh viện tuyến huyện và cải tạo xây mới các trường học trên địa bàn tỉnh...

+ Các dự án đang thực hiện: Nâng cấp, mở rộng ĐT 782 - ĐT 784 (từ ngã ba tuyến tránh QL22 đến ngã tư Tân Bình); Nâng cấp, mở rộng ĐT.793 -ĐT792 (đoạn từ ngã tư Tân Bình đến cửa khẩu Chàng Riệc); Đường Đất Sét - Bến Củi; Đường liên tuyến N8-787B-789; Dự án Tưới tiêu phía Tây sông Vàm Cỏ; Dự án Phát triển các đô thị hành lang tiểu vùng sông Mê Kong mở rộng tại Mộc Bài - Tỉnh Tây Ninh; các dự án phục vụ mục tiêu chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh...

+ Các dự án trọng điểm tiếp tục triển khai trong thời gian tới: Cảng hàng không Tây Ninh, Đường cao tốc TP.HCM - Mộc Bài, Đường cao tốc Gò Dầu - Xa Mát, Dự án Đường Trường Chinh, Đường từ QL22 đến cửa khẩu quốc tế Tân Nam (đoạn 1 từ cửa khẩu Xa Mát - cửa khẩu Tân Nam và đoạn 2 từ cửa khẩu Tân Nam - Lò Gò), Đường từ 794 đến Bến Cây Khế (kết nối tỉnh Bình Phước), Xây dựng Khu phức hợp quảng trường, công trình văn hóa, Bảo tàng tỉnh Tây Ninh ...

– Cách thức và quy trình xây dựng kế hoạch đầu tư công

+ Cách thức và quy trình xây dựng kế hoạch đầu tư công, cách thức lựa chọn dự án đầu tư cụ thể trong kế hoạch đầu tư công:

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019, Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 20/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn NSNN. Đồng thời, trong quá trình xây dựng kế hoạch, tỉnh nhiều lần tổ chức các cuộc họp với sự tham dự của các đơn vị liên quan nhằm xác định danh mục dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn NSNN, trong đó, ưu tiên đầu tư các dự án cấp thiết, quan trọng, có tính lan tỏa đến nhiều ngành, lĩnh vực và đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong việc phân bổ kế hoạch vốn.

Thực hiện quy trình xây dựng kế hoạch trung hạn quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh cho ý kiến về danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 lần 1 tại Văn bản số 221/HĐND-KTNS ngày 17/12/2019 và lần 2 tại Văn bản số 202/HĐND ngày 10/12/2020. Tiếp tục thực hiện Công điện số 01/CD-BKIDT ngày 28/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 28/5/2021 cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 - Nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn NSDP, làm cơ sở để HĐND các huyện, thị xã, thành phố ban hành Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

Ngày 22/12/2021, UBND tỉnh có Văn bản số 4675/UBND-KT về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn NSDP gửi đến các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn NSDP làm cơ sở để các đơn vị triển khai thực hiện.

Nhìn chung, tỉnh đã kịp thời thực hiện công tác chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tuân

thủ các quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư - cơ quan quản lý đầu tư công của tỉnh trực tiếp giải đáp các vướng mắc theo thẩm quyền trong quá trình xây dựng, triển khai kế hoạch đầu tư công của các đơn vị trên địa bàn tỉnh và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh cho ý kiến đối với những nội dung vượt thẩm quyền hoặc chưa thống nhất giữa các sở, ngành liên quan.

+ Cách thức triển khai, giám sát, thực hiện đầu tư công:

Hàng năm, kế hoạch vốn chi tiết cho từng chương trình, dự án được phân bổ ngay từ đầu năm, làm cơ sở để các chủ đầu tư triển khai và đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Bên cạnh đó, chủ đầu tư xây dựng sơ đồ Gantt và cam kết giải ngân theo từng quý đối với từng dự án với mục tiêu giải ngân hết Quý I đạt 25%, hết Quý II đạt 50%, hết Quý III đạt 75% và cả năm đạt 100%. Tỉnh đã đưa tiêu chí giải ngân vốn đầu tư công vào xét thi đua của các đơn vị, nếu đơn vị không đảm bảo tỷ lệ giải ngân theo như cam kết sẽ bị trừ điểm thi đua cuối năm của đơn vị. Từ đó làm động lực để các chủ đầu tư có giải pháp quyết liệt phù hợp với từng đơn vị để thúc đẩy tỷ lệ giải ngân của tỉnh đạt tỷ lệ cao.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tỉnh thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đôn đốc chủ đầu tư tập trung hoàn thiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai...; Định kỳ hàng tháng, tổ chức cuộc họp giao ban xây dựng cơ bản, từ đó nắm bắt tiến độ giải ngân và chủ động hướng dẫn, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc, nhất là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nghiệm thu khối lượng hoàn thành, quyết toán và giải ngân vốn đầu tư; kịp thời điều chuyển vốn đối với các đơn vị giải ngân thấp sang các đơn vị có nhu cầu giải ngân để phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

Ngoài ra, tỉnh còn tổ chức các buổi làm việc với từng huyện, thị xã, thành phố và một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và triển khai thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, đã thành lập Tổ kiểm tra do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì với sự tham gia của các sở, ngành Tài chính, Xây dựng, Kho bạc Nhà nước để kiểm tra nguyên nhân giải ngân thấp, vướng mắc, khó khăn, công tác chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong điều hành nhiệm vụ XD CB của các địa phương, chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân thấp hơn mức bình quân chung của tỉnh và các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; Thành lập Đoàn kiểm tra do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì với sự tham gia của các Sở Xây dựng, Sở Công thương và các chủ đầu tư về việc khai thác các mỏ khoáng sản (đất, cát, đá, sỏi ...) phục vụ cho các công trình XD CB trên địa bàn tỉnh.

3. Về cơ cấu lại ngành kinh tế

3.1. Kết quả cơ cấu lại khu vực nông nghiệp và chuyển dịch đất đai trong sản xuất nông nghiệp

a) Thực trạng cơ cấu lại ngành nông nghiệp hiện nay

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên các lĩnh vực. Cụ thể:

– Trồng trọt phát triển ổn định với diện tích gieo trồng hằng năm đạt trên 385.000 ha (trong đó diện tích gieo trồng cây hằng năm đạt 255.000 ha, cây lâu năm đạt 130.000 ha), dịch bệnh trên cây trồng và đặc biệt là bệnh khảm lá cây khoai mì đã được kiểm soát tốt, chủ yếu gây hại ở mức nhẹ, không ảnh hưởng tới năng suất, chất lượng nông sản đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. Giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 01 ha đất trồng trọt ước đạt 106 triệu đồng, tăng 06 triệu đồng so với năm 2020.

Giai đoạn 2021 – 2022, đã hỗ trợ 105 cơ sở (tổ chức, cá nhân) với tổng diện tích 504,7 ha tham gia phần mềm truy xuất nguồn gốc, chủ yếu trên cây ăn quả (sầu riêng, chuối, bưởi, măng cầu, nhãn, mít, xoài, dưa lưới); hỗ trợ đăng ký thông tin 03 vùng trồng (sầu riêng, xoài thái, chuối) xuất sang thị trường Trung Quốc và Hoa Kỳ, hỗ trợ chứng nhận GAP trên 1.552,16 ha cây ăn quả và rau.

Hằng năm thực hiện khoảng 10 mô hình khuyến nông giúp hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất cho người dân. Từng bước hình thành một số vùng cây ăn trái quy mô tập trung như: vùng nhãn xã Truong Mít (950 ha), Lộc Ninh (200 ha); vùng sản xuất sầu riêng Bàu Đồn (845 ha), vùng sản xuất chuối già Tân Châu (415 ha), măng cầu TPTN (150 ha),...

– Duy trì và phát triển các đàn vật nuôi đạt 9,6 triệu con (tăng 191.000 con với năm 2020)¹, tiếp tục chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô trang trại tập trung, đảm bảo an toàn sinh học. Đến cuối năm 2022, có 737 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung (tăng 50 trang trại so với năm 2020) với số đầu con trên 204.400 con gia súc và 6,4 triệu con. Tiếp tục khuyến khích các cơ sở chăn nuôi sản xuất theo quy trình VietGAP và an toàn dịch bệnh, lũy kế có 60 cơ sở chăn nuôi² được cấp giấy chứng nhận VietGAP.

– Triển khai thực hiện Đề án phát triển vùng nuôi trồng chuyên canh thủy sản gắn với hệ thống kênh thuộc công trình thủy lợi Dầu Tiếng giai đoạn 2021 – 2025. Chú trọng phát triển các loài thủy sản bản địa, thương phẩm có giá trị kinh tế cao với bình quân diện tích nuôi trồng trên 550 ha/năm, sản lượng nuôi trồng đạt 11.000 tấn/năm, sản lượng khai thác đạt trên 2.000 tấn/năm, thủy sản giống đạt 45 triệu con/năm. Giá trị sản phẩm bình quân trên 01 ha nuôi trồng thủy sản đạt 796 triệu đồng, tăng 64 triệu đồng so với năm 2020.

– Triển khai thực hiện tốt phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 nâng cao giá trị của rừng và góp phần phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng hiện có. Giai đoạn 2021 – 2022, trồng mới 422 ha rừng, chăm sóc 1.205 ha rừng, khoanh nuôi tái sinh 1.198 ha rừng hằng năm, trồng 448.000 ha cây trồng phân tán góp phần duy trì tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt 16,3%. Ngoài ra, hiện nay tỉnh đang đánh giá hiệu quả các mô hình trồng rừng, qua đó sẽ chuyển đổi một số mô hình trồng rừng để nâng cao hiệu quả của các mô hình trồng rừng, góp phần tăng thu nhập cho người dân tham gia nhận khoán trồng rừng.

¹ Đàn heo 230.000 con (+71.000 con), đàn bò 103.000 con (+7.900 con), đàn gia cầm 9 triệu con (+97.000 con)

² 38 cơ sở chăn nuôi heo, 22 cơ sở chăn nuôi gà

– Hạ tầng thủy lợi được duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng và đầu tư theo hướng đa mục tiêu nhằm nâng cao năng lực phục vụ sản xuất đảm bảo tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trung bình hằng năm đạt 148.390 ha. Triển khai Dự án Tưới tiêu phía Tây sông Vàm Cỏ Đông (*đã hoàn thành giai đoạn 1*), đây là dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh với mục tiêu cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho hai huyện Châu Thành và Bến Cầu với diện tích khoảng 16.953 ha; phục vụ chuyển đổi khoảng 7.790 ha cây trồng cận có giá trị kinh tế cao, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng, phát triển mô hình canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cận với diện tích bình quân 32.592 ha/năm. Ước tỷ lệ diện tích áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh năm 2022 đạt 30%, tăng 1,5% so năm 2020.

– Phát triển kinh tế hợp tác: có 04 hợp tác xã nông nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình hợp tác xã (HTX) điển hình giai đoạn 2022 – 2025; hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp, trang trại nông nghiệp tham gia tập huấn ứng dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp. Toàn tỉnh hiện có 115 HTX nông nghiệp hoạt động theo Luật HTX năm 2012, tăng 25 HTX so với 2020. Số HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả chiếm 75%; 25% HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; 65% HTX nông nghiệp tham gia chuỗi liên kết. Doanh thu bình quân hàng năm của HTX nông nghiệp là 1.100 triệu đồng; lãi bình quân hàng năm là 370 triệu đồng; thu nhập bình quân lao động thường xuyên trong HTX nông nghiệp là khoảng 60 triệu đồng/lao động/năm (*tăng 05 triệu đồng so với năm 2020*)

b) Thực trạng phát triển doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao

Hiện nay, tỉnh có trang trại bò sữa Vinamilk đã được chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC). Ngoài ra, một số doanh nghiệp có quy mô lớn, chưa được chứng nhận doanh nghiệp NNUDCNC nhưng thực tế đã áp dụng công nghệ cao (CNC) vào sản xuất mang lại giá trị kinh tế cao và bền vững³.

Tỉnh không có quy hoạch khu nông nghiệp công nghệ cao, hiện nay tỉnh đang xây dựng Đề án vùng sản xuất NNUDCNC tỉnh Tây Ninh (*định hướng dự kiến phát triển 20 vùng*) và thí điểm Đề án vùng sản xuất NNUDCNC huyện Tân Châu làm cơ sở kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển NNUDCNC. Hiện đã có nhiều doanh nghiệp đang tiếp cận đề xuất đầu tư sản xuất NNUDCNC theo chuỗi giá trị. Các dự án đề xuất đầu tư tập trung vào trồng các loại cây ăn quả, rau, hoa có giá trị cao như: xoài, chuối, bưởi da xanh, sầu riêng, nhãn, một số loại rau củ quả và dự án chăn nuôi bò, heo, gia cầm.

Việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp cũng được quan tâm thực hiện. Phát triển cơ giới hóa trên nhiều khâu chăm sóc với các loại máy: xới cỏ, tưới phun, tưới nhỏ giọt, hệ thống tưới nước và phân bón. Hệ thống nhà lưới, nhà màng kết hợp các kỹ thuật tưới tiết kiệm, cung cấp dinh dưỡng qua hệ thống tưới, điều tiết ẩm độ, ánh sáng cho gần 120 ha (*dưa lưới 35 ha, hoa lan 85 ha*); kỹ thuật tưới phun mưa, nhỏ giọt cho các loại cây trồng mía, mì, cây ăn quả với tổng diện tích đạt 114.560 ha.

³ Trang trại gà đẻ của Công ty QL Việt Nam Agrosources; Nhà máy ấp trứng gia cầm CNC Bel gà Tây Ninh, công suất thiết kế trên 19 triệu gà con/năm, với tổng vốn đầu tư 200 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Thanh niên xung phong, Công ty Cổ phần đường Biên Hòa; Công ty TNHH Hưng Thịnh...

Ước năm 2022, tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 36,9% (tăng 6,9% so năm 2020).

Lũy kế đến nay có 24 vùng trồng và 04 cơ sở đóng gói đang được duy trì sử dụng mã số xuất khẩu. Xây dựng thí điểm hệ thống phần mềm OCOP, có 13 chủ thể OCOP và 23 HTX đưa trên 50 sản phẩm nông sản lên các sàn thương mại điện tử trong nước như: Lazada; Sendo; Voso; Postmart.

c) Đất nông nghiệp bị bỏ hoang

Theo số liệu thống kê năm 2021, tổng diện tích đất nông nghiệp 341.897 ha chiếm 84,6% diện tích tự nhiên của toàn tỉnh Tây Ninh, trong đó diện tích đất trồng lúa vẫn duy trì đạt trên 60.000 ha. Hiện nay vẫn chưa có số liệu thống kê chính xác đất nông nghiệp bị bỏ hoang. Tuy nhiên, đất nông nghiệp khác (*đa phần không sản xuất*) có diện tích khoảng 1.896,5 ha chiếm tỷ lệ 0,5% trong cơ cấu diện tích đất nông nghiệp của tỉnh. Các diện tích sản xuất không hiệu quả (Bến Cầu), đất bán ngập chỉ canh tác được theo mùa (Dương Minh Châu), một số diện tích đang trong quy hoạch quỹ đất sạch, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Tân Châu, Tân Biên), một số diện tích đất do người dân trong quá trình mua bán, đầu cơ, tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất nên cũng trong tình trạng không sản xuất nông nghiệp.

d) Chuyển đổi cơ cấu nội ngành nông nghiệp

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng được chú trọng thực hiện, giai đoạn 2021-2022 đã chuyển đổi khoảng 1.950 ha (*chủ yếu từ diện tích cây lúa, cao su không hiệu quả sang trồng mì, cây ăn quả*). Lũy kế từ năm 2016 đến cuối năm 2022 đã thực hiện chuyển đổi 40.200 ha, trong đó chuyển sang trồng cây hàng năm là 34.100 ha và chuyển đổi sang trồng cây lâu năm là 6.100 ha.

Bước đầu hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên canh gắn với thị trường và công nghiệp chế biến⁴. Ngoài ra, việc phát triển mạnh chăn nuôi trong thời gian qua cũng giúp cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, tỷ trọng chăn nuôi của toàn ngành tăng lên từ 14% năm 2021 lên 16% năm 2022.

Kết quả thực hiện phát triển nông nghiệp nói chung và cơ cấu lại nông nghiệp nói riêng đã góp phần giúp đại bộ phận nông dân trong tỉnh đã vươn lên thoát nghèo (*tỷ lệ hộ cận nghèo giảm chỉ còn 0,79%, thu nhập bình quân nông dân đạt 50 triệu đồng/người/năm*).

e) Tồn tại, hạn chế trong thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp

Việc cơ cấu lại nông nghiệp đã tích cực triển khai thực hiện nhưng vẫn còn chậm. Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất còn hạn chế, liên kết đầu tư – sản xuất - tiêu thụ vẫn còn chưa chặt chẽ và đạt được hiệu quả như kỳ vọng. Sản xuất

⁴ (1) Vùng sản xuất mì (khoảng 53.000 ha): chủ yếu tập trung ở 4 huyện: Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành và Dương Minh Châu (2) Vùng sản xuất cao su (khoảng 70.000 ha): tập trung ở 2 huyện Tân Châu, Tân Biên. (3) Vùng sản xuất mía (5.300 ha): chủ yếu ở 3 huyện Châu Thành, Tân Biên và Tân Châu (4) Vùng sản xuất lúa (124.000 ha): tập trung chủ yếu ở 4 huyện Châu Thành, thị xã Trảng Bàng, Bến Cầu, Gò Dầu (5) Vùng sản xuất măng cầu (4.740 ha): chủ yếu ở 3 huyện Tân Châu, TP. Tây Ninh và Dương Minh Châu. (6) Vùng sản xuất nhãn (khoảng 3240 ha): tập trung ở 3 huyện Dương Minh Châu, Gò Dầu và thị xã Hòa Thành. (7) Vùng sản xuất sầu riêng có diện tích tập trung nhiều nhất hiện nay ở huyện Gò Dầu (khoảng 2.000 ha)

NNUDCNC, cơ giới hóa, phát triển chế biến sâu đối với nông sản của tỉnh hiện chưa đáp ứng quá trình chuyển dịch sản xuất.

Trên địa bàn tỉnh hiện chỉ có 01 doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp NNUDCNC, chưa có vùng sản xuất được công nhận là vùng NNUDCNC, do vậy việc áp dụng công nghệ trong sản xuất chủ yếu ở mô hình thí điểm chưa nhân rộng và chưa tạo được sự đột phá trong phát triển.

Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư nhất là đầu tư vào NNUDCNC còn nhiều khó khăn do rủi ro đầu tư, chưa có nhiều chính sách thu hút, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư NNUDCNC, những lợi ích mang lại chưa rõ ràng trong khi các tiêu chí để được công nhận vùng, doanh nghiệp sản xuất NNDCNC tương đối khó khăn nên khó thu hút được doanh nghiệp đăng ký.

Trong giai đoạn 2021-2022, mặc dù cơ cấu nội bộ ngành đã có sự chuyển dịch tích cực khi giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp, tuy nhiên vẫn còn chậm, lĩnh vực lâm nghiệp và thủy sản vẫn chưa có đóng góp đáng kể trong cơ cấu giá trị của ngành, mỗi lĩnh vực chỉ đóng góp khoảng 1-2%.

3.2. Kết quả cơ cấu lại khu vực công nghiệp và dịch vụ

3.2.1. Khu vực công nghiệp

Mục tiêu cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh được xác định theo hướng hạn chế gia công, lắp ráp, tăng cường chế biến sâu và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ; đặc biệt quan tâm chế biến các sản phẩm từ nguyên liệu mía, mì, cao su, dệt may (sợi, vải); trong cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến cũng là ngành đang có lợi thế (*hạ tầng sản xuất, nguồn nguyên liệu nông sản, lao động,...*).

Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2021 tăng 2,6% so CK, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,38%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 8,84%; ngành khai khoáng giảm 22,01% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,32%.

Năm 2022, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 16,1% so với CK, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16,53%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 15,02% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,0%; ngành khai khoáng giảm 2,1%.

Hầu hết các ngành công nghiệp chủ yếu đều tăng sản lượng, cụ thể: Lanke Poolan (+23,0%); vỏ, ruột xe các loại (+19,4%); giấy các loại (+17,7%); bột mì (+16,5%); điện sản xuất (+12,0); điện thương phẩm (+11,8%). Một số ít sản phẩm duy trì hoặc giảm so CK: đường các loại đạt 82,3%; quần áo các loại đạt 100,8%; xi măng đạt 102,1%.

Hiện nay tỉnh đang triển khai Dự án Trung tâm logistics, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp tại xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng. Dự án Cảng cạn Mộc Bài đã triển khai thi công hoàn thành đường tạm, đang san lấp mặt bằng giai đoạn 1, dự kiến đưa vào khai thác sử dụng giai đoạn 1 vào tháng 3/2023. Dự án Cảng thủy nội địa Thành Thành Công đang được thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi. Xây dựng quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài và Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát.

Về phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế: đến ngày 15/11/2022, thu hút đầu tư trong nước và ngoài nước đạt 1.033,5 tỷ đồng và 590,1 triệu USD, trong đó cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới cho 16 dự án với vốn đầu tư 519,5 triệu USD và 912,5 tỷ đồng; tăng vốn 11 dự án với vốn tăng 94,9 triệu USD và 121 tỷ đồng; 02 dự án giảm vốn với vốn giảm 24,3 triệu USD; chấm dứt hoạt động, thu hồi *(do nhà đầu tư quyết định chấm dứt)* 14 dự án với vốn đăng ký là 100 triệu USD và 221 tỷ đồng. Lũy kế có 377 dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế *(278 nước ngoài và 99 trong nước)* với vốn đăng ký 8.457,4 triệu USD và 20.800,3 tỷ đồng.

Về phát triển cụm công nghiệp: có 05 cụm công nghiệp đang hoạt động với 20 dự án đầu tư thứ cấp với tổng doanh thu 1.827,09 tỷ đồng; diện tích đi vào hoạt động là 215,78 ha; diện tích đất công nghiệp đã cho thuê 129,79 ha, tỷ lệ lấp đầy chiếm 88,53% so diện tích đất công nghiệp. Tổng số lao động làm việc là 3.578 người, nộp ngân sách nhà nước 25,129 tỷ đồng.

3.2.2. Khu vực thương mại - dịch vụ

Năm 2021 là năm bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, các hoạt động thương mại, dịch vụ đều bị hạn chế. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 77.267 tỷ đồng, giảm 5,24% so với CK. Doanh thu du lịch ước đạt 650 tỷ đồng, giảm 11,4% so CK; doanh thu dịch vụ lữ hành ước đạt 3,5 tỷ đồng, giảm 62,9% so CK; số lượt khách du lịch nội địa ước đạt 2 triệu lượt khách, giảm 10,2% so CK.

Năm 2022, dịch bệnh được kiểm soát, hoạt động thương mại - dịch vụ phục hồi tích cực, lưu chuyển hàng hóa thuận lợi, nguồn cung cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân nhất là các mặt hàng nhóm lương thực, thực phẩm, hàng may mặc và các hàng hóa khác, giá cả thị trường hàng hóa và dịch vụ tương đối bình ổn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 96.938 tỷ đồng, tăng 25,5% so với CK. Tổng doanh thu du lịch ước đạt 1.400 tỷ đồng, tăng 130% so CK; với hơn 4,5 triệu lượt khách tham quan tại các khu, điểm du lịch, tăng 200% so CK.

Các dự án lớn đầu tư vào các ngành thương mại, dịch vụ:

– Tỉnh đã kêu gọi được một số nhà đầu tư lớn phát triển du lịch, đặc biệt, Tập đoàn SunGroup - một trong những Tập đoàn lớn hàng đầu trong lĩnh vực vui chơi, giải trí, du lịch của Việt Nam - đã hoàn thành hệ thống các tuyến cáp treo lên đỉnh núi Bà Đen, nhà ga cáp treo lớn nhất thế giới, Tượng Phật Bà Tây Bồ Đà Sơn bằng đồng trên đỉnh núi cao nhất Châu Á; xây dựng được các khách sạn 3-5 sao; Khu du lịch Long Điền Sơn; Las Farmstay; Khu vui chơi - ẩm thực Sala Tây Ninh; Khu du lịch sinh thái và ẩm thực Long Trung;...

– Toàn tỉnh có 108 chợ/76 xã, phường, thị trấn đang hoạt động (kể cả chợ tạm, chợ tự phát, chợ bán 1 buổi sáng hoặc 1 buổi chiều), trong đó có 08 chợ hạng II và 100 chợ hạng III; Có 11 siêu thị (01 siêu thị hạng II và 10 siêu thị hạng III) và 01 trung tâm thương mại hạng III đang hoạt động (có 02 TTTM nhưng hiện 01 TTTM tạm ngừng hoạt động); 61 Cửa hàng Bách Hóa xanh đang hoạt động.

III. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ

Việc ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp của tỉnh. Sàn giao dịch công nghệ trực tuyến tỉnh được vận hành, từng bước hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ của tỉnh, tạo môi trường giao dịch, tìm kiếm đối tác thuận lợi trên mạng internet, với sự tham gia của các bên cung - cầu công nghệ và các tổ chức dịch vụ trung gian trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh đã ban hành Quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Cho phép sử dụng địa danh “Tây Ninh” và bản đồ địa lý tương ứng để đăng ký và quản lý đối với nhãn hiệu chứng nhận “Bò Tây Ninh” cho sản phẩm và dịch vụ từ con bò được nuôi, thả trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; địa danh “Bàu Đồn” cho sản phẩm sầu riêng của Hợp tác xã Bàu Đồn. Thực hiện “Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm đậu phộng của tỉnh Tây Ninh”.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách, quy định hỗ trợ về đổi mới công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ đến các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm giúp tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hiểu và nắm được các thông tin, chính sách hỗ trợ của địa phương đối với hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ. Hướng dẫn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa cho 28 cơ sở/doanh nghiệp, 08 HTX; đăng ký bảo hộ sáng chế 01 cơ sở.

IV. Công tác thúc đẩy xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh

Để đáp ứng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỉnh đã triển khai các giải pháp nhằm phát triển các hệ sinh thái số làm nền tảng cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã người làm trực tiếp tham mưu về chuyển đổi số; đào tạo, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh. Tổ chức cho 316 công chức lãnh đạo cấp xã và quy hoạch lãnh đạo cấp xã tham gia đào tạo trên nền tảng trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông về chuyển đổi số cấp xã.

Thành lập 493 Tổ công nghệ số cộng đồng, triển khai 02 lớp tập huấn trực tuyến sử dụng các nền tảng số. Theo thống kê có 5.118 lượt truy cập; 2.782 lượt xem video;

1.322 lượt xem tài liệu trên nền tảng học trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông. Xây dựng các chuyên trang, ứng dụng truyền truyền chuyển đổi số tại các địa chỉ: <http://chuyendoiso.tayninh.gov.vn/>, Zalo: Chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh, Youtube, Tiktok, tạo kênh thông tin chính thống để chính quyền, người dân, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tra cứu, tham khảo. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia từ ngày 01/10/2022 đến ngày 10/10/2022.

Xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông hiện đại, mạng diện rộng của tỉnh kết nối tất cả các Sở, ngành tỉnh tới UBND cấp huyện, cấp xã qua đường truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước, đảm bảo an toàn, bảo mật khi truy cập các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

Trung tâm tích hợp dữ liệu (THDL) của tỉnh được đầu tư xây dựng đảm bảo cung cấp tài nguyên triển khai các hệ thống thông tin của tỉnh; được trang bị hệ thống tường lửa, chống xâm nhập và đảm bảo an toàn dữ liệu và được nâng cấp, bổ sung thêm máy chủ, hệ thống lưu trữ trong năm 2021, đến nay cơ bản đáp ứng nhu cầu triển khai các nền tảng số của tỉnh đến năm 2025.

Xây dựng và đưa vào vận hành trung tâm giám sát, điều hành kinh tế - xã hội tập trung, triển khai một số dịch vụ đô thị thông minh cho người dân và doanh nghiệp. Đã triển khai trực liên thông dữ liệu LGSP để kết nối, chia sẻ dữ liệu với một số Bộ, ngành và triển khai trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) kết nối với trung tâm giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia.

Hạ tầng mạng viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh đã triển khai cáp quang đến tất cả các xã. Hạ tầng mạng BTS cung cấp dịch vụ dữ liệu di động 3G, 4G đủ khả năng đáp ứng nhu cầu truy cập dữ liệu của người dân. Đang triển khai thử nghiệm hệ thống 5G tại thành phố Tây Ninh.

Hiện nay, tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 74.63% (835.000 người); tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh đạt 88,94% (328.898 hộ); tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt 80.21% (264.607 hộ).

Về mức độ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số, tỉnh mới triển khai tích hợp AI thử nghiệm cho 02 hệ thống của tỉnh gồm hệ thống hỗ trợ giải đáp thông tin liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính và hệ thống quản lý camera tập trung.

V. Định hướng, giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2023 – 2025

1. Triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, các chương trình, dự án thuộc phạm vi Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh cơ cấu lại chi đầu tư công, tập trung, ưu tiên công trình trọng điểm, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, tránh thất thoát, lãng phí, phát huy vai trò đầu tư công làm vốn môi để thu hút các nguồn lực xã hội. Huy động mọi nguồn lực đầu tư các dự án theo Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và theo danh mục kêu gọi đầu tư. Đẩy nhanh tiến

độ bồi thường, giải phóng mặt bằng; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là các dự án trọng điểm.

Thực hiện có hiệu quả Luật quản lý thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, trong đó, tập trung khai thác nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng. Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cấp thiết. Ưu tiên dành nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm các nhiệm vụ về an ninh – quốc phòng, các dịch vụ quan trọng, thiết yếu. Tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu 2021 – 2025. Tiếp tục củng cố, chấn chỉnh hoạt động các Quỹ tín dụng nhân dân, tăng cường năng lực tài chính, quản trị, kiểm soát; nâng cao chất lượng tín dụng, xử lý nợ xấu,... đảm bảo hoạt động hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn an toàn, lành mạnh và hiệu quả, phát triển bền vững theo đúng định hướng, mục tiêu, bản chất của mô hình kinh tế hợp tác.

Thực hiện rà soát lĩnh vực xã hội hóa, nhất là lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường; đảm bảo lộ trình tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai sát nhập Trung tâm phát triển quỹ đất với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về sử dụng đất; chấn chỉnh việc sử dụng đất không đúng mục đích và có biện pháp tháo gỡ khó khăn; xử lý nghiêm đối với các dự án vi phạm nghiêm trọng pháp luật về đất đai, tránh lãng phí nguồn lực về tài nguyên đất, gây mất cảnh quan đô thị trên địa bàn. Đẩy nhanh ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ số trong việc thu thập và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai, cập nhật và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia. Triển khai Đề án tổng thể xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để thúc đẩy phát triển các dự án đầu tư.

3. Triển khai hiệu quả Đề án Phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng cao vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong đào tạo. Xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; thực hiện hiệu quả Đề án xã hội hoá, mời gọi đầu tư phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Thu hút kêu gọi

dầu tư trường chất lượng cao các bậc học trên địa bàn tỉnh. Thực hiện điều chỉnh mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh phù hợp với quy hoạch.

4. Triển khai thực hiện Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030 và Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030. Xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng Chính quyền điện tử gắn với xây dựng Đô thị thông minh tuân thủ Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh. Triển khai đề án thí điểm xây dựng đô thị thông minh tại Thị xã Hòa Thành.

5. Xây dựng và triển khai kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trọng tâm là các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư; hoàn chỉnh công bố danh mục kêu gọi đầu tư; hướng dẫn quy trình đầu tư, thu hút đầu tư; triển khai cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư. Nâng cao năng lực quản lý giám sát dự án sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư, kịp thời xử lý vướng mắc cho nhà đầu tư trong triển khai dự án.

6. Triển khai Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phối hợp đề xuất các cơ chế, chính sách phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tận dụng các lợi thế do liên kết vùng đem lại để phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường hợp tác, xúc tiến đầu tư ở các tỉnh/vùng lân cận, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, mở rộng đầu tư.

7. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch cơ cấu lại ngành Nông nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Tây Ninh và huyện Tân Châu. Triển khai chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất. Hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

8. Tập trung cơ cấu lại sản xuất công nghiệp với mục tiêu tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm; chuyển dần từ gia công, lắp ráp là chủ yếu sang chế tạo và chế tác. Thu hút các dự án đầu tư có công nghệ cao, hiện đại, thân thiện với môi trường. Triển khai Đề án phát triển cụm công nghiệp và Đề án phát triển khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050. Điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát đến năm 2045. Triển khai thực hiện quy hoạch KCN Hiệp Thạnh. Đôn đốc bồi thường, triển khai xây dựng giai đoạn 3 KCN Phước Đông. Thường xuyên thanh kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Kiên quyết thu hồi các dự án chậm triển khai, cố tình kéo dài thời gian triển khai thực hiện dự án.

9. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030, Đề án phát triển các mô hình kinh tế chia sẻ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 – 2030. Thúc đẩy sự phát triển và phát huy hiệu quả vai trò thị trường trong nước, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động thương mại, phát triển mạnh thương mại điện tử và sự gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống. Triển khai các giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp. Theo dõi sát diễn biến thị trường, lưu thông hàng hóa; tăng cường mở rộng các điểm bán hàng bình ổn, tổ chức các chuyển bán hàng lưu động về vùng nông thôn, khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng sâu, vùng xa, ... để đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế năm 2021 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, UBND tỉnh Tây Ninh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- LĐ VP; PKT;
- Lưu: VT VP.UBND tỉnh.

Trmanab

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Đức Trọng



Phụ lục
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ NĂM 2021; NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN ĐẾN NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Phấn đấu đến năm 2025	Ghi chú
1	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	6,24	7,70	>6,5%/năm	
2	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) cho GRDP	Giai đoạn 2011-2015 đạt mức 30%; Giai đoạn 2016-2020 đang tính toán		35%	
3	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Đạt 63,9 điểm, xếp thứ hạng 37 thuộc nhóm trung bình		Nhóm tốt	
4	Tỷ lệ bội chi ngân sách địa phương so với GRDP	0,03%	0,05%	0,4%/năm	
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP	36,39	37,48	36%/năm	
6	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn	0,68%	1%	>3%	
7	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ so với tổng chi ngân sách nhà nước	0,26%	0,39%	1%	
8	Số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình	Hiện nay, chưa thực hiện điều tra số doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ		10%/năm	

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Phấn đấu đến năm 2025	Ghi chú
9	Số lượng doanh nghiệp	6.675 doanh nghiệp	7.279 doanh nghiệp	9.000 doanh nghiệp	
10	Số lượng doanh nghiệp quy mô vừa và lớn	401 doanh nghiệp	437 doanh nghiệp	700 doanh nghiệp	
11	Tỷ trọng đóng góp của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong GRDP	19,39% (năm 2020)		>30%	Theo phương án điều tra, điều tra doanh nghiệp năm 2022: Chưa có số liệu của DN vừa và nhỏ của năm 2021; Mới công bố số liệu DN vừa và nhỏ đến năm 2020.
12	Số lượng hợp tác xã	165 hợp tác xã	178 hợp tác xã	190 hợp tác xã	
13	Tỷ lệ hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất tiêu thụ nông sản	20%	25%	45%	
14	Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	18%	25%	30%	